

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 04-05-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron
Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST - HNGĐ ngày 14/04/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy Liễu, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Xóm 1, Thôn Thượng Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 9, khu vực 4, phường Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/09/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy L trình bày: Chị và anh H kết hôn ngày 02/12/2017 tại UBND phường B, TP. Q, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình và công việc, anh H ham chơi, thiếu sự quan tâm và yêu thương giành cho vợ con. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng nói chuyện với nhau, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng anh H vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Chị đưa con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Gần đây anh H còn có hành vi bạo lực gây

thương tích cho chị . Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh H

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Lê Đức D, sinh ngày 01/01/2019, sức khỏe bình thường, hiện cháu đang sống với chị; Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 6 năm 2021 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nhiều vấn đề, cơ bản nhất là kinh tế gia đình. Do chị L sống chung với gia đình anh không hợp nên cả hai vợ chồng phải thuê nhà ở, do dịch bệnh công việc của anh không thuận lợi, thu nhập không ổn định nên giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị L dọn về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 6/2021 cho đến nay. Anh biết mình sai nên có lên nhà mẹ vợ xin lỗi nhưng chị L không cho anh cơ hội sửa sai, anh muốn đưa con về thăm ông bà thì chị L lấy lý do dịch bệnh ngăn cản, anh thừa nhận trong lúc nóng giận có dùng dao đe dọa chị L, lỡ gây thương tích cho chị L chứ anh không cố ý. Từ lúc anh biết chị L đưa đơn ly hôn đến nay, đã nhiều lần anh tìm gặp chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn.

Về con chung: Thống nhất theo chị L trình bày, vợ chồng có 01 người con chung, sức khỏe bình thường, hiện cháu đang sống với chị L. Trước kia, anh thống nhất giao cháu Trần Lê Đức D, sinh ngày 01/01/2019 cho chị L nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nay anh thay đổi ý kiến, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D vì anh có điều kiện để chăm sóc cháu tốt hơn chị L . Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy L và anh Trần Ngọc H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị L và anh H kết hôn ngày 02/12/2017 tại UBND phường B, TP. Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung của chị L đối với anh H và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Hiện anh H đang cư trú tại Tổ 9, khu vực 4, phường B, TP. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời trình bày của chị L và anh H thể hiện cuộc sống hôn nhân vợ chồng tồn tại mâu thuẫn kéo dài, do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân là khoảng thời gian để cả hai suy nghĩ về thực trạng hôn nhân của mình và tìm cách hàn gắn tình cảm. Nhưng từ đó đến nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống. Chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở công nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh H có 01 người con chung tên Trần Lê Đức D, sinh ngày 01/01/2019. Nếu ly hôn chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo xác nhận của hai bên đương sự tại phiên tòa và các chứng cứ do hai bên cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thì hiện nay chị L và anh H đang có việc làm, chỗ ở ổn định, có thu nhập ổn định, đảm bảo quyền lợi, điều kiện cho sự phát triển về thể chất cũng như việc học tập của con. Tuy nhiên, từ khi chị L và anh H chấm dứt việc sống chung, mỗi người sống một nơi thì cháu D sống với chị L, cháu đã quen với nề nếp sinh hoạt với mẹ. Mặt khác, cháu D đang trong lứa tuổi rất cần được sự chăm sóc, giáo dục, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ và điều đó cũng không làm cản trở tình cảm cha con giữa anh H và cháu D. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không trực tiếp nuôi con nên việc chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp với khả năng thực tế về thu nhập của anh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, chị L cũng

đồng ý. Sự tự nguyện thỏa thuận nói trên phù hợp với quy định tại các Điều 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị L và anh H mỗi người phải chịu 50% án phí hôn nhân gia đình quy định pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy L và anh Trần Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Trần Lê Đức D, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Lê Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: **Anh** Trần Ngọc H **có nghĩa vụ cấp dưỡng** nuôi cháu Trần Lê Đức D mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 05 năm 2022 cho đến khi cháu D thành niên.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị L phải chịu 150.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002872 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị L được hoàn lại 150.000 đồng. Anh H phải chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ và 300.000

đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền kháng cáo: Chị L, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thùy Châu - Nguyễn Ron

Trần Thị Minh Hoà

